

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DS -ST

Ngày: 23 - 07 - 2019

“Chia di sản thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Sanh**

2. Ông **Huỳnh Tiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng – Số 24 đường Hoàng Văn Thụ, phường Phước Ninh quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2017/TLST - DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc “Chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 05 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

1/ Bà **Trần Thị H** – Sinh năm: 1951 – Địa chỉ: Số 196 đường N, phường M quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2/ Bà **Trần Thị C** – Sinh năm: 1953 – Địa chỉ: Số 218 đường N, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

3/ Ông **Trần Văn T** - Sinh năm: 1957 – Địa chỉ: Số 45 đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

4/ Ông **Trần Văn T** - Sinh năm: 1963 – Địa chỉ: Số K2/1 đường C, tổ 20, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

5/ Bà **Trần Thị H** - Sinh năm: 1964 – Địa chỉ: Số K2/1, tổ 20, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng – Tạm trú tại: Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền ông **Trần Văn T** - Sinh năm: 1957 – Địa chỉ: Số 45 đường L, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Theo văn bản ủy quyền số 1659 ngày 23/10/2017. Có mặt.

6/ Ông **Trần Bảo C** – Sinh năm: 1986 – Địa chỉ: Tổ 75, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

*** Bị đơn.**

1/ Bà **Trần Thị T** – Sinh năm: 1960 - Địa chỉ: Số K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Phạm Thị T** – Sinh năm: 1971

2/ Ông **Trần Phạm Thanh L** – Sinh năm: 1997

3/ Bà **Trần Thị Thanh H** – Sinh năm: 1999

4/ Cháu **Trần Phạm Thanh P** – Sinh năm: 2007

5/ Ông **Huỳnh L** – Sinh năm: 1954

6/ Bà **Trần Thị T** – Sinh năm: 1960

7/ Ông **Huỳnh R** – Sinh năm: 1988.

8/ Bà **Huỳnh Thị Kim T** – Sinh năm: 1992

9/ Ông **Huỳnh H** – Sinh năm: 1990

10/ Bà **Lê Thị N** - Sinh năm: 1986

11/ Bà **Nguyễn Thị Kim H** - Sinh năm: 1992

Cùng địa chỉ: Số K2/1 đường C, tổ 20, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do

12/ Bà **Hoàng Thị C** - Sinh năm: 1957 – Trú tại: Số 136/22 đường T, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/02/2017, bản khai và trong quá trình hòa giải, và tại phiên toà các nguyên đơn** là bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H và ông Trần Bảo C cùng trình bày:

Cha và ông chúng tôi tên là Trần Văn N sinh năm 1921 mất vào ngày 28/7/1983 theo giấy chứng tử số 460/TLKT – BS ngày 14/6/2016 của Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, mẹ và bà chúng tôi tên là Phạm Thị H, sinh năm 1926 mất ngày 26/4/1994 theo giấy chứng tử số 12 ngày 27/4/1994 của Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình chúng sống cha mẹ chúng tôi có những người con như sau:

1/ Trần Thị H – Sinh năm: 1951.

2/ Trần Thị C – Sinh năm: 1953

3/ Trần Văn T - Sinh năm: 1957

4/ Trần Công D – Sinh năm: 1958

5/ Trần Thị T – Sinh năm: 1960

6/ Trần Văn T - Sinh năm: 1963

7/ Trần Thị H - Sinh năm: 1964

8/ Trần Văn S – Sinh năm: 1967

Cha mẹ chúng tôi không có con riêng, con nuôi nào khác

Ông Trần Công D mất vào ngày 04/8/2004 theo giấy chứng tử số 1000/TLKT-BS ngày 25/10/2017 của Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông D có vợ là bà Hoàng Thị C và con trai tên Trần Bảo C. Ông D không có con riêng và con nuôi nào khác.

Ông Trần Văn S mất ngày 15/9/2018 theo giấy chứng tử số 81/2018 ngày 17/9/2018 của Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông S có vợ là bà Phạm Thị T và ba người con của ông S là ông Trần Phạm Thanh L, Trần Thị Thanh H và Trần Phạm Thanh P. Ngoài ra S không có con nuôi, con riêng nào khác.

Trong quá trình chung sống cha mẹ chúng tôi tạo dựng được tài sản là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 400 tờ bản đồ số 6 địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở số CD 771276 do Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/7/2016 cho ông Trần Văn N và bà Phạm Thị H đã chết. Cha mẹ chúng tôi chết không để lại di chúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị em chúng tôi có viết giấy thỏa thuận ngày 09/02/2018 với nội dung giá trị di sản để lại là 2.500.000.000đ, bà T và ông S sẽ nhận di sản thừa kế bằng giá trị và bằng $\frac{1}{2}$ giá trị của di sản mà cha mẹ chúng tôi để lại với số tiền mỗi người là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), ông T là người nhận di sản bằng hiện vật và có trách nhiệm thối trả phần chênh lệch giá trị tài sản cho những người thừa kế còn lại. Nhưng vì bà Trần Thị T cùng với những người thừa kế của ông Trần Văn S hiện nay đang ở tại nhà và đất nói trên cố tình gây khó khăn và không thực hiện việc giao nhà. Nên anh em chúng tôi không đồng ý thực hiện theo giấy thỏa thuận trên mà đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật cho các anh chị em chúng tôi.

Chúng tôi thống nhất và không có ý kiến gì về việc Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã chọn đơn vị thẩm định giá là Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE để tiến hành thẩm định giá nhà và đất tại địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Chúng tôi thống nhất với giá Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE đã thẩm định là 2.631.853.326đ (Hai tỷ sáu trăm ba mươi một triệu tám trăm năm mươi ba ngàn ba trăm hai mươi sáu đồng y), trong đó phần giá trị quyền sử dụng đất là 2.567.587.676đ phần nhà là 64.265.650đ.

Giá trị di sản thừa kế 2.631.853.326đ chúng tôi đề nghị chia làm 8 phần bằng nhau mỗi người thừa kế được hưởng phần di sản có giá trị là 328.981.665đ (Ba trăm hai mươi tám triệu chín trăm tám mươi một ngàn sáu trăm sáu mươi lăm đồng).

Bà Trần Thị T và ông Trần Văn S đã có công sức trong việc giữ gìn và duy trì khối di sản nói trên nên 6 anh chị em chúng tôi thống nhất trích 10% giá trị di sản là 263.185.332đ cho bà Trần Thị T và ông Trần Văn S được hưởng thêm mỗi người là

5% với giá trị tiền là 131.592.666đ.

Chúng tôi gồm Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H ông Trần Bảo C và bà Nguyễn Thị C sẽ có trách nhiệm thời trả phần chênh lệch giá trị tài sản cho bà Trần Thị T số tiền là 460.574.331 gồm 328.981.665đ là phần di sản được hưởng và 131.592.666đ tiền công sức giữ gìn và duy trì khối di sản thừa kế, đồng thời thời trả cho những người thừa kế của ông Trần Văn S là bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P với số tiền là 460.574.331đ gồm 328.981.665đ là phần di sản được hưởng và 131.592.666đ tiền công sức giữ gìn và duy trì khối di sản thừa kế.

Anh chị em chúng tôi đề nghị Tòa án giao di sản thừa kế bằng hiện vật là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 400 tờ bản đồ số 6 địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cho chúng tôi gồm Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C cùng quản lý và sử dụng.

Anh chị em chúng tôi thống nhất những người hiện đang sinh sống trong nhà và đất tại địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng tiếp tục quản lý và sử dụng trong thời hạn 06 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật gồm bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H, cháu Trần Phạm Thanh P, ông Huỳnh L, bà Trần Thị T, ông Huỳnh R, bà Huỳnh Thị Kim T, ông Huỳnh H, bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị Kim H, hết thời hạn lưu cư các ông bà nói trên phải bàn giao nhà và đất tại địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cho các bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C.

Đối với chi phí thẩm định giá và xem xét thẩm định tại chỗ chúng tôi gồm Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C cùng tự nguyện chịu.

Tại bản thỏa thuận ngày 09/2/2018 bà Trần Thị T và ông Trần Văn S trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Trần Văn S thống nhất mỗi người nhận di sản thừa kế bằng giá trị với số tiền là 600.000.000đ và giao nhà và quyền sử dụng đất tại địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cho ông Trần Văn T.

Bà Trần Thị T và ông Trần Văn S thống nhất với việc Tòa án chọn đơn vị thẩm định giá là Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALUE.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp và hoà giải cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành hoà giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên toà xét xử lần hai các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

[2] Về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế: Ông Trần Văn N mất vào ngày 28/7/1983 theo giấy chứng tử số 460/TLKT – BS ngày 14/6/2016 của Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, bà Phạm Thị H mất ngày 26/4/1994 theo giấy chứng tử số 12 ngày 27/4/1994 của Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Theo Án lệ số 26, khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh chia thừa kế ngày 30/8/1990 ông Trần Văn T, bà Trần Thị C, Trần Thị H, Trần Thị H, Trần Văn T và ông Trần Bảo C khởi kiện tại Tòa án vào ngày 15/11/2017 căn cứ vào Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của các nguyên đơn vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[II] *Về nội dung:* Xét yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị H, Trần Thị C, ông Trần Văn T, Trần Văn T, bà Trần Thị H và ông Trần Bảo C đối với di sản của ông Trần Văn N và bà Phạm Thị H để lại là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 400 tờ bản đồ số 6 địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng thì thấy:

[1] Ông Trần Văn N và bà Phạm Thị H chung sống với nhau vào khoảng năm 1951 không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống ông bà có 8 người con gồm:

- 1/ Trần Thị H – Sinh năm: 1951.
- 2/ Trần Thị C – Sinh năm: 1953
- 3/ Trần Văn T - Sinh năm: 1957
- 4/ Trần Công D – Sinh năm: 1958
- 5/ Trần Thị T – Sinh năm: 1960
- 6/ Trần Văn T - Sinh năm: 1963
- 7/ Trần Thị H - Sinh năm: 1964
- 8/ Trần Văn S – Sinh năm: 1967

Ông Trần Văn N và bà Phạm Thị H không có con riêng hay con nuôi nào khác.

[2] Trong quá trình chung sống ông Trần Văn N và bà Phạm Thị H có tạo dựng được nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 400 tờ bản đồ số 6 địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông N và bà H mất không để lại di chúc.

[3] Ông Trần Văn N mất vào ngày 28/7/1983 và bà Phạm Thị H mất ngày 26/4/1994 không để lại di chúc nên xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn N và bà Phạm Thị H gồm

1/ Trần Thị H – Sinh năm: 1951.

2/ Trần Thị C – Sinh năm: 1953

3/ Trần Văn T - Sinh năm: 1957

4/ Trần Công D – Sinh năm: 1958

5/ Trần Thị T – Sinh năm: 1960

6/ Trần Văn T - Sinh năm: 1963

7/ Trần Thị H - Sinh năm: 1964

8/ Trần Văn S – Sinh năm: 1967

Ông Trần Văn N và bà Phạm Thị H không có con riêng hay con nuôi nào khác.

[4] Xác định di sản của ông Trần Văn N và bà Phạm Thị H để lại chưa chia là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 400 tờ bản đồ số 6 địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

[5] Ông Trần Công D mất vào ngày 04/8/2004 theo giấy chứng tử số 1000/TLKT-BS ngày 25/10/2017 của Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và không để lại di chúc. ông D có vợ là bà Hoàng Thị C và con chung của ông D và bà C tên là Trần Bảo C. Ông D không có con riêng và con nuôi nào khác. Nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D là bà Hoàng Thị C và ông Trần Bảo C.

[6] Ông Trần Văn S mất ngày 15/9/2018 theo giấy chứng tử số 81/2018 ngày 17/9/2018 của Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, ông S có vợ là bà Phạm Thị T và ba người con chung của ông S và bà T là ông Trần Phạm Thanh L, Trần Thị Thanh H và Trần Phạm Thanh P. Ông S không có con nuôi, con riêng nào khác. Nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S là bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P.

[7] Vào ngày 09/02/2018 bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Văn S và ông Trần Bảo C có viết giấy thỏa thuận giao toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 400 tờ bản đồ số 6 địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đ có giá trị là 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng y) cho ông Trần Văn T quản lý và sử dụng, ông T có trách nhiệm bồi trả cho bà Trần Thị T, ông Trần Văn S mỗi người với số tiền là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), bồi trả cho Trần Thị H, Trần Thị

C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H mỗi người với số tiền là 216.666.666đ, và thối trả cho bà Hoàng Thị C, ông Trần Bảo C mỗi người với số tiền là 108.333.333đ.

Tại phiên tòa bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông Trần Văn N và bà Phạm Thị H theo quy định của pháp luật với giá trị là 2.631.853.326đ (Hai tỷ sáu trăm ba mươi một triệu tám trăm năm mươi ba ngàn ba trăm hai mươi sáu đồng y) nên mỗi kỹ phần mà người thừa kế được hưởng với số tiền là 328.981.540đ.

Bà Trần Thị H bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C có nguyện vọng được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 400 tờ bản đồ số 6 địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và sẽ thối trả cho bà Trần Thị T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn S cụ thể như sau:

Bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H mỗi người phải thối trả cho bà Trần Thị T số tiền 54.830.256đ (Năm mươi tư triệu tám trăm ba mươi ngàn hai trăm năm mươi sáu đồng y).

Ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C mỗi người phải thối trả cho bà Trần Thị T số tiền là 27.415.128đ.

Bà Trần Thị H bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H mỗi người phải thối trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn S là bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P là với số tiền là 54.830.256đ (Năm mươi tư triệu tám trăm ba mươi ngàn hai trăm năm mươi sáu đồng y).

Ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C mỗi người phải thối trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn S là bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 27.415.128đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm mười lăm ngàn một trăm hai mươi tám đồng y).

[8] Bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C tự nguyện trích 10% giá trị di sản với số tiền là 263.185.332đ trong đó cho bà Trần Thị T được hưởng thêm với số tiền là 131.592.666đ (Một trăm ba mươi một triệu năm trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng y), và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S được hưởng thêm với số tiền là 131.592.666đ (Một trăm ba mươi một triệu năm trăm chín mươi hai ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng y), cụ thể:

Bà Trần Thị H, bà Trần Thị C ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H mỗi người phải tiếp tục thối trả cho bà Trần Thị T số tiền 21.932.111đ (Hai mươi một triệu chín trăm ba mươi hai ngàn một trăm mười một đồng y)

Ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C mỗi người phải tiếp tục thối trả cho bà Trần Thị T số tiền là 10.966.055đ (Mười triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm năm mươi lăm đồng y).

Bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H mỗi người phải tiếp tục thối trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn S là bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P là với số tiền là 21.932.111đ (Hai mươi một triệu chín trăm ba mươi hai ngàn một trăm mười một đồng y).

Ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C mỗi người phải tiếp tục thối trả cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn S là bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 10.966.055đ (Mười triệu chín trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm năm mươi lăm đồng y).

[9] Bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C tự nguyện để những người hiện đang sinh sống tại nhà số K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng là bà Trần Thị T, bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H, cháu Trần Phạm Thanh P, ông Huỳnh L, bà Trần Thị T, ông Huỳnh R, bà Huỳnh Thị Kim T, ông Huỳnh H, bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị Kim H tiếp tục quản lý và sử dụng trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật sau đó những người đang sinh sống trong nhà tại địa chỉ nói trên phải bàn giao nhà lại cho bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C.

Theo Quyết định số 29/2018/QĐ – UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thì việc phân chia di sản thừa kế của ông N và bà H bằng hiện vật cho các đồng thừa kế là không thể thực hiện được.

Từ những nhận định trên HĐXX thấy yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Trần Văn N và bà Phạm Thị H theo pháp luật và sự tự nguyện về của bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C đối với bà Trần Thị T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn S về việc có công sức trong việc duy trì, gìn giữ di sản và tiếp tục để những người hiện đang sinh sống trong căn nhà nói trên quản lý và sử dụng trong thời hạn là 06 tháng sau đó mới bàn giao nhà lại bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội.

Do vậy căn cứ vào Điều 623 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015 giao cho bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C được quyền quản lý và sử dụng nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 400 tờ bản đồ số 6 địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận

, thành phố Đà Nẵng, có tứ cận hướng Đông giáp đường kiệt K2 và nhà ông Hoàng Văn T, hướng Tây giáp nhà ông Nguyễn L và bà Đào Thị H, hướng Nam giáp nhà ông Hoàng Văn T, hướng Bắc giáp đường kiệt K2 C và nhà bà Đào Thị H.

* Phần di sản thừa kế bằng giá trị mà bà Trần Thị T được nhận với số tiền là 460.574.202đ (Bốn trăm sáu mươi triệu năm trăm bảy mươi tư ngàn hai trăm lẻ hai đồng y), những người thừa kế khác có trách nhiệm thối trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cụ thể như sau:

1/ Bà Trần Thị H phải thối trả cho bà Trần Thị T số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

2/ Bà Trần Thị C phải thối trả cho bà Trần Thị T số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

3/ Ông Trần Văn T phải thối trả cho bà Trần Thị T số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

4/ Ông Trần Văn T phải thối trả cho bà Trần Thị T số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

5/ Bà Trần Thị H phải thối trả cho bà Trần Thị T số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

6/ Ông Trần Bảo C phải thối trả cho bà Trần Thị T số tiền là 38.381.183đ (Ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi một ngàn một trăm tám mươi ba đồng y).

7/ Bà Hoàng Thị C phải thối trả cho bà Trần Thị T số tiền là 38.381.183đ (Ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi một ngàn một trăm tám mươi ba đồng y).

* Phần di sản thừa kế bằng giá trị mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn S gồm bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P được nhận với số tiền là 460.574.202đ (Bốn trăm sáu mươi triệu năm trăm bảy mươi tư ngàn hai trăm lẻ hai đồng y), những người thừa kế khác có trách nhiệm thối trả tiền chênh lệch giá trị tài sản cụ thể như sau:

1/ Bà Trần Thị H phải thối trả cho bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

2/ Bà Trần Thị C phải thối trả cho bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

3/ Ông Trần Văn T phải thối trả cho bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

4/ Ông Trần Văn T phải thối trả cho bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

5/ Bà Trần Thị H phải thối trả cho bà Phạm Thị T ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

6/ Ông Trần Bảo C phải thối trả cho bà Phạm Thị T ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 38.381.183đ (Ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi một ngàn một trăm tám mươi ba đồng y).

7/ Bà Hoàng Thị C phải thối trả cho bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 38.381.183đ (Ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi một ngàn một trăm tám mươi ba đồng y).

Hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật bà Trần Thị T, bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H, cháu Trần Phạm Thanh P, ông Huỳnh L, bà Trần Thị T, ông Huỳnh R, bà Huỳnh Thị Kim T, ông Huỳnh H, bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị Kim H phải bàn giao nhà và quyền sử dụng đất tại số K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cho bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C.

[10] Đối với việc Tòa án chọn đơn vị thẩm định giá là Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALU và chứng thư thẩm định giá nhà và quyền sử dụng đất tại số thửa đất số 400 tờ bản đồ số 6 địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng có giá là 2.631.853.326đ (Hai tỷ sáu trăm ba mươi một triệu tám trăm năm mươi ba ngàn ba trăm hai mươi sáu đồng y) của Công ty cổ phần thẩm định giá BTCVALU, các bên đương sự không có ý kiến gì.

[11] Đối với chi phí thẩm định giá và xem xét thẩm định tại chỗ là 13.000.000đ bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C tự nguyện chịu đã nộp đủ và chỉ xong.

[12] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Theo điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Bảo C là người khuyết tật và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Cháu Trần Phạm Thanh P là trẻ em nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, bà Hoàng Thị C, bà Trần Thị T, bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, và bà Trần Thị Thanh H mỗi người phải chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

I. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX:

- Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

- Về quyền và nghĩa vụ của các đương sự đã được đảm bảo theo đúng các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463 và Điều 466 Luật Dân sự.

Đề nghị HĐXX giải quyết theo hướng

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX giao cho bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H và ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C đồng quản lý di sản thừa kế là nhà và đất tại K2/1 C, phường H, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H và ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C có nghĩa vụ bồi trả cho ông Trần Văn S và bà Trần Thị T mỗi người 460.574.331 đồng $((2.631.853.326 : 8) + (2.631.853.326 \times 5\%) = 328.981.665 + 131.592.666 = 460.574.331$ đồng).

Đối với phần di sản ông Trần Văn S được hưởng thì thấy, ông S mất năm 2018 nên kỹ phần thừa kế của ông S sẽ được giao cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S. Theo đó, bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P được hưởng số tiền 460.574.331 đồng.

Gia đình ông Trần Văn S và bà Trần Thị T được phép lưu cư tại nhà và đất K2/1 C, phường H, quận H, TP Đà Nẵng trong thời hạn 06 tháng.

Các đương sự sẽ chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được hưởng. Riêng bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án do thuộc trường hợp người cao tuổi. Ông Trần Bảo C cũng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án do thuộc trường hợp người khuyết tật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 623 và 660 Bộ luật dân sự năm 2015
- Căn cứ Án lệ số 26/2018/AL.
- Căn cứ khoản 4 Điều 36 pháp lệnh thừa kế ngày 30/8/1990
- Căn cứ Quyết định số 29/2018/QĐ – UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ khoản điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Chia di sản thừa kế theo pháp luật” của bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C đối với bà Trần Thị T.

Xử: Giao toàn bộ nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 400 tờ bản đồ số 6 địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng có tứ cận hướng Đông giáp đường kiệt K2 C và nhà ông Hoàng Văn T, hướng Tây giáp nhà ông Nguyễn L và bà Đào Thị H, hướng Nam giáp nhà ông Hoàng Văn T, hướng Bắc giáp đường kiệt K2 C và nhà bà Đào Thị H cho bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C.

* Phần di sản thừa kế bằng giá trị mà bà Trần Thị T được nhận với số tiền là 460.574.202đ (Bốn trăm sáu mươi triệu năm trăm bảy mươi tư ngàn hai trăm lẻ hai đồng y), cụ thể như sau:

1/ Bà Trần Thị H phải bồi trả cho bà Trần Thị T số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

2/ Bà Trần Thị C phải bồi trả cho bà Trần Thị T số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

3/ Ông Trần Văn T phải bồi trả cho bà Trần Thị T số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

4/ Ông Trần Văn T phải bồi trả cho bà Trần Thị T số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

5/ Bà Trần Thị H phải bồi trả cho bà Trần Thị T số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

6/ Ông Trần Bảo C phải bồi trả cho bà Trần Thị T số tiền là 38.381.183đ (Ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi một ngàn một trăm tám mươi ba đồng y).

7/ Bà Hoàng Thị C phải bồi trả cho bà Trần Thị T số tiền là 38.381.183đ (Ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi một ngàn một trăm tám mươi ba đồng y).

* Phần di sản thừa kế bằng giá trị mà bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P được nhận với số tiền là 460.574.202đ (Bốn trăm sáu mươi triệu năm trăm bảy mươi tư ngàn hai trăm lẻ hai đồng y), cụ thể như sau:

1/ Bà Trần Thị H phải bồi trả cho bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

2/ Bà Trần Thị C phải bồi trả cho bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

3/ Ông Trần Văn T phải thối trả cho bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

4/ Ông Trần Văn T phải thối trả cho bà Phạm Thị T ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

5/ Bà Trần Thị H phải thối trả cho bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 76.762.367đ (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi bảy đồng y).

7/ Ông Trần Bảo C phải thối trả cho bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 38.381.183đ (Ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi một ngàn một trăm tám mươi ba đồng y).

8/ Bà Hoàng Thị C phải thối trả cho bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H và cháu Trần Phạm Thanh P số tiền là 38.381.183đ (Ba mươi tám triệu ba trăm tám mươi một ngàn một trăm tám mươi ba đồng y).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành, thì phải trả lãi theo mức lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền chậm thi thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thối trả cho các thừa kế khác, thì bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C liên hệ với các cơ quan nhà nước, tổ chức có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu và sử dụng riêng biệt đối với nhà và quyền sử dụng đất nói trên.

Hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật các ông bà Trần Thị T, bà Phạm Thị T, ông Trần Phạm Thanh L, bà Trần Thị Thanh H, cháu Trần Phạm Thanh P, ông Huỳnh L, bà Trần Thị T, ông Huỳnh R, bà Huỳnh Thị Kim T, ông Huỳnh H, bà Lê Thị N, bà Nguyễn Thị Kim H phải bàn giao nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 400 tờ bản đồ số 6 địa chỉ K2/1 đường C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng cho Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, bà Trần Thị H, ông Trần Bảo C và bà Hoàng Thị C.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

1/ Bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Bảo C và cháu Trần Phạm Thanh P được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2/ Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.255.874đ (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm bảy mươi tư đồng y) cụ thể là 285.117.487 x 5%. Ông T phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.755.874đ.

3/ Bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.255.874đ (Mười bốn triệu hai trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm bảy mươi tư đồng y), cụ thể là 285.117.487 x 5%. Bà H phải nộp tiếp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.755.874đ.

4/ Bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.028.710đ (Hai mươi ba triệu không trăm hai mươi tám ngàn bảy trăm mười đồng y), cụ thể là 460.574.202 x 5%.

5/ Bà Hoàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.127.937đ (Bảy triệu một trăm hai mươi bảy ngàn chín trăm ba mươi bảy đồng y), cụ thể là 142.558.743 x 5%.

6/ Bà Phạm Thị T, ông Trần Thanh L, bà Trần Thị Thanh H liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 17.271.325đ (Mười bảy triệu hai trăm bảy mươi một ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng y), cụ thể là (460.574.202 – 115 143 550) x 5%.

Hoàn trả cho bà Trần Thị H, bà Trần Thị C, ông Trần Văn T, ông Trần Bảo C số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 6.250.000đ theo biên lai số 0009969 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu- TP Đà Nẵng.

Án xử sơ thẩm công khai, các nguyên đơn, và bà Hoàng Thị Ch có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Ba